

Số: /QĐ-SYT Đăk Lăk, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk;
Căn cứ Biên bản họp ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 30 cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi 09 Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đăk Lăk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 04 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Hoàng Trung Khuyến	08/01/1999	066099015734	09/01/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	001662/ĐL-GPHN	26/01/2026	05/01/2031	Cấp lại
2	Hoàng Thùy Dung	05/07/1991	068191004807	25/03/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001679/ĐL-GPHN	16/01/2026	16/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Cù Hoài Ân	15/09/1988	066088000759	29/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001680/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Huỳnh Thị Ngọc Quý	03/11/2003	066303008425	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001681/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Nguyễn Thị Kiều Oanh	05/05/1993	066193004716	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001682/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
6	Nguyễn Vũ Trường	02/11/1992	066092013629	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh Y học	001684/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
7	Trần Thị Như	14/09/1989	066189006542	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001685/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
8	Nguyễn Thị Kim Quỳnh	10/03/1995	066195012446	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001686/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
9	Phạm Thị Thu Trinh	19/05/1992	066192018176	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001687/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
10	Đỗ Thị Hằng	02/02/1988	049188017621	20/10/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001688/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
11	Nguyễn Thị Hoàng Phượng	05/01/1989	066189020209	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001689/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
12	Bùi Thị Thùy Linh	07/12/1996	052196007591	09/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001690/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
13	Nguyễn Thị Hạnh	04/01/1986	066186012736	30/12/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001691/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp lại
14	Nguyễn Ngọc Diễm	07/09/2003	054303004125	13/04/2021	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001692/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Trần Quỳnh Thư	18/07/1990	062190001918	14/10/2022	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001693/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
16	Phạm Minh Tú	11/04/2000	054300006902	10/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001694/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Trương Ngọc Hậu	21/02/1994	054094006073	21/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001695/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	H Nia Ayün	15/03/1998	066198003752	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001696/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Mai Xuân Bích Nhân	29/11/2003	066303013990	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001697/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
20	Phùng Đăng Khoa	15/03/2000	066200016130	12/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001698/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
21	Đặng Phương Trân	30/09/2000	054300010859	23/08/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001699/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Nguyễn Trúc Giang	27/09/2000	054300007811	17/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001700/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
23	Phạm Minh Hảo	28/01/2000	054300010794	17/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001701/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Lương Thị Thu Hà	08/06/2003	054303008872	05/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001702/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	Nguyễn Thị Kim Loan	21/03/1994	054194004368	14/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001703/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/09/2002	066302004573	16/01/2025	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	001704/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
27	Nguyễn Thị Thu Sương	10/12/2002	054302003688	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	001705/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	Trần Thị Cẩm Tú	17/04/1996	066196004535	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Chuyên khoa Da liễu	001706/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Lê Thị Ngọc Linh	05/09/2000	066300011880	01/08/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001707/ĐL-GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
30	Nguyễn Quang Ba	06/03/1971	030071019294	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	001708/ĐL- GPHN	26/01/2026	26/01/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 30 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 04 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Hoàng Trung Khuyến	08/01/1999	066099015734	001662/ĐL-GPHN	05/01/2026	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Nguyễn Vũ Trường	02/11/1992	241176173	0005857/ĐL-CCHN	20/08/2015	Kỹ thuật viên (Cao đẳng)	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của cao đẳng kỹ thuật hình ảnh Y học	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hỏi</i>
3	Trần Thị Như	14/09/1989	241061519	0003719/ĐL- CCHN	07/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghệ thuật các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Nguyễn Thị Kim Quỳnh	10/03/1995	241410367	007430/ĐL- CCHN	22/06/2017	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Phạm Thị Thu Trình	19/05/1992	241224070	008272/ĐL- CCHN	06/03/2019	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Đỗ Thị Hằng	02/02/1988	049188017621	002068/ĐL- CCHN	17/10/2013	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Nguyễn Thị Hoàng Phượng	05/01/1989	241108437	003165/ĐL- CCHN	31/12/2013	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Bùi Thị Thùy Linh	07/12/1996	052196007591	008704/ĐL- CCHN	26/06/2019	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
9	Nguyễn Thị Hạnh	04/01/1986	240927899	003250/ĐL- CCHN	03/01/2014	Điều dưỡng	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ - BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 09 cá nhân./.